

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1 Số tự nhiên	1. Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	5 câu 1.25 điểm			1 câu 1 điểm					20câu 7,25 điểm
		2. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	4 câu 1 điểm		1 Câu 0,75điểm		1 Câu 0,5điểm				
		3. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và ước chung lớn nhất.	3 câu 0.75điểm		3 câu 0,75 điểm		1 câu 0,75 đ		1 câu 0.5 điểm		
2	Chủ đề 2 Một số hình phẳng trong thực tiễn	1. Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	2 câu 0.5 điểm								8câu 2,25 điểm
		2. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang	3 câu 0.75điểm	1 Câu 0,75 điểm	1 câu 0,5 điểm		1 câu 0,25 điểm				
Tổng			17 câu 4,25 điểm	1 câu 0,75 điểm	3 câu 0,75 điểm	3 câu 2,25 điểm		3 câu 1,5 điểm		1 câu 0. 5 điểm	28câu Số điểm
Tỉ lệ %			50%		30%		20%			100%	



Fanpage: NaviEdu



navi.edu.vn



0393.815.515

I. TRẮC NGHIỆM. (5 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.

Câu 1. Số nào thuộc tập hợp số tự nhiên trong các số sau?

- A. - 5,04 B. $\frac{6}{3}$ C. - 7. D. 6,03.

Câu 2. Số liền sau của số 2024 là

- A. 2022 B. 2023 C. 2024 D. 2025

Câu 3. Trong các hình sau, hình có 4 cạnh bằng nhau là

- A. Hình thoi. B. Hình chữ nhật. C. Hình bình hành. D. Hình thang cân.

Câu 4. Số tự nhiên nhỏ nhất là

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 5. Tập hợp số tự nhiên kí hiệu là

- A. $\mathbb{Q}$. B. $\mathbb{N}^*$. C. $\mathbb{N}$. D. $\mathbb{R}$.

Câu 6. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là

- A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$
C. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$ D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$

Câu 7. Kết quả của phép tính $7^2 \cdot 7^4 \cdot 7$ là

- A. 7^6 . B. 7^7 . C. 7^8 . D. 7^9 .

Câu 8. Trong các số sau, số nào **không** chia hết cho 5?

- A. 2024. B. 2025. C. 2020. D. 2025.

Câu 9. Cho tập hợp $M = \{0; 3; 4; 8\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $\{0\} \in M$ B. $4 \in M$. C. $8 \notin M$. D. $2 \in M$.

Câu 10. Số nào trong các số sau là số nguyên tố: 5; 10; 15; 20

- A. 5. B. 15. C. 21. D. 27.

Câu 11. Trong phép chia cho 5 số dư có thể là

- A. 1;2;3;4;5 B. 0;1;2;3;4 C. 1;2;3 D. 0.1;2

Câu 12. ƯCLN (7;21) là

- A. 1. B. 3. C. 7. D. 9.

Câu 13. Số nào là ước của 6 ?

- A. 12. B. 2. C. 24. D. 16.

Câu 14. Biểu diễn số 26 bằng số La Mã là

- A. XXIV. B. XIIX. C. XXVI. D. XVI.

Câu 15. Số nào là ước của 12

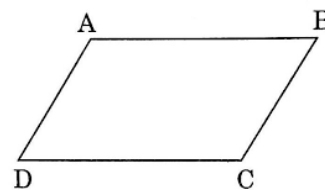
- A. 50. B. 20. C. 15. D. 2.

Câu 16. Cho tam giác đều ABC có cạnh $AB = 7\text{ cm}$. Khi đó cạnh BC có độ dài là

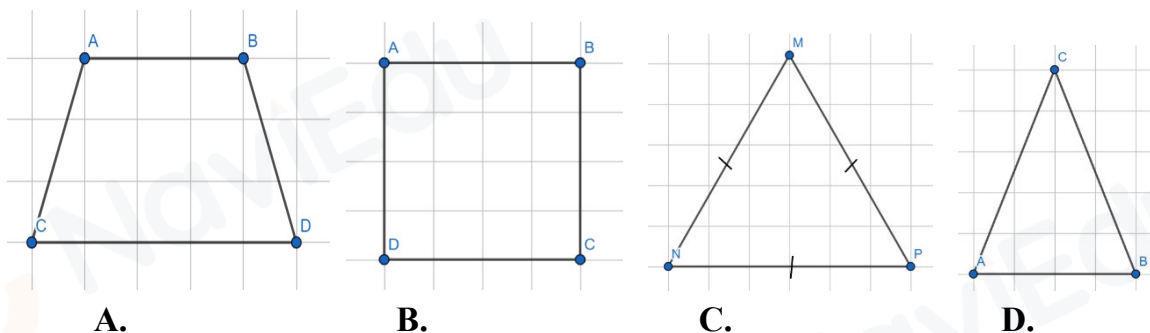
- A. 3 cm . B. 21 cm . C. 7 cm . D. 2 cm .

Câu 17. Cho hình bình hành $ABCD$, nhận xét nào sau đây là đúng ?

- A. $AB = BC$. B. $AD = DC$.
C. $AB = CD$. D. $AC = BD$.



Câu 18. Hình nào dưới đây là hình vẽ chỉ hình vuông ?



Câu 19. Chú Hưng uốn một dây thép thành móc treo đồ có dạng hình thoi với độ dài cạnh bằng 20 cm . Hỏi chú Hưng cần bao nhiêu xăng – ti – mét dây thép?

- A. 130 cm . B. 80 cm . C. 400 cm . D. 80 m .

Câu 20. Tích của một số với 1 bằng :

- A. 0 B. 1 C. 2 D. chính số đó

II. TỰ LUẬN. (5,0 điểm)

Câu 21. (1 điểm). Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x \leq 12\}$. Viết tập hợp A bằng cách liệt kê các phần tử và cho biết tập hợp A có bao nhiêu phần tử?

Câu 22. (2 điểm).

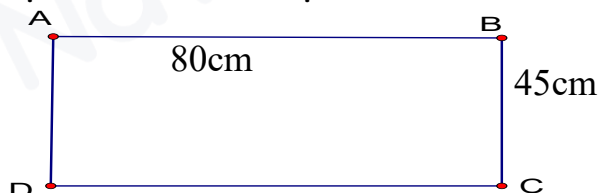
1. Thực hiện phép tính

a) $125 + 70 + 375 + 230$

b) $40 - [50 - (8 - 2)^2] + 2025^0$

2. Tìm số tự nhiên x biết $35 - x = 20$

Câu 23. (1,5 điểm): Cho hình chữ nhật $ABCD$ minh họa như hình vẽ:



a) Nêu độ dài các cạnh $AB; BC; CD; AD$?

b) Tính chu vi hình chữ nhật ?

b) Nếu một bác thợ muốn sơn mặt bàn một chiếc bàn học cá nhân với kích thước như trên, biết chi phí cho mỗi mét vuông là 50 000 đồng. Hỏi bác thợ phải chi bao nhiêu tiền để sơn xong mặt chiếc bàn học đó.

Câu 25. (0,5 điểm).

Cho $P = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{101}$. Chứng minh rằng P chia hết cho 13.

----Hết----

I. Trắc nghiệm (5 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	A	A	C	B	B	A	B	A

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	B	C	D	C	C	B	B	D

II. Tự luận:

Câu	Nội dung, gợi ý cách làm	Điểm
Câu 21	$A = \{5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12\}$	0.5
	Tập hợp A có 8 phần tử	0.5
Tổng điểm câu 21		1
Câu 22.1	a) $125 + 70 + 375 + 230$ $= (125 + 375) + (70 + 230)$ $= 500 + 300$ $= 800$	0.25 0.25 0.25
	b, $40 - [50 - (8 - 2)^2] + 2025^0$ $= 40 - [50 - 6^2] + 2025^0$ $= 40 - [50 - 36] + 2025^0$ $= 40 - 14 + 1$ $= 27$	0.25 0.25
Câu 22.2	$35 - x = 20$ $x = 35 - 20$ $x = 15$ Vậy $x = 15$	0.25 0.25 0.25
Tổng điểm câu 22		2
Câu 23	a) $AB = 80\text{cm}; BC = 45\text{cm}; CD = 80\text{cm}; AD = 45\text{cm}$	0.75
	b) Chu vi mặt bàn hình chữ nhật là: $(80 + 45) \cdot 2 = 250\text{ cm}$	0.5
	b) Diện tích mặt bàn hình chữ nhật là: $80 \cdot 45 = 3600 (\text{cm}^2)$.	0.25
	Đổi $3600\text{cm}^2 = 0,36\text{m}^2$ Chi phí để bác thợ sơn xong mặt bàn là: $0,36 \cdot 50000 = 18000 (\text{đồng})$	
Tổng điểm câu 23		1.5
Câu 24	$P = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{100} + 3^{101}$ Ta có: $P = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{100} + 3^{101}$ $P = (1 + 3 + 3^2) + (3^3 + 3^4 + 3^5) + \dots + (3^{99} + 3^{100} + 3^{101})$	0.5

	$P = (1 + 3 + 3^2) + 3^3(1 + 3 + 3^2) + \dots + 3^{99}(1 + 3 + 3^2)$ $P = 13 + 13.3^3 + 13.3^6 + \dots + 13.3^{99}$ $P = 13.(1 + 3^3 + 3^6 + \dots + 3^{99})$ chia hết cho 13. Vậy P chia hết cho 13	
	Tổng điểm câu 24	0.5
	Tổng điểm toàn bài	10

BGH PHÊ DUYỆT

TỔ CM PHÊ DUYỆT

GV RA ĐỀ

Nông Văn Duyệt

Hứa Đức Vương

